

Số: 24/KH-TTPTQĐ

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH
Cho thuê nhà gắn với quyền sử dụng đất năm 2026 (đợt 1)

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về cơ chế, chính sách đặc thù để đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 5317/UBND-KTTH ngày 09/7/2026 về việc cho ý kiến Phương án quản lý, khai thác nhà, đất năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Căn cứ Phương án số 16/PA-TTPTQĐ ngày 03/7/2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh về việc quản lý, khai thác nhà, đất năm 2026;

Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh xây dựng kế hoạch cho thuê nhà gắn với quyền sử dụng đất năm 2026 (đợt 1), nội dung như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản công; nhanh chóng đưa các cơ sở nhà, đất được giao vào quản lý, khai thác, vận hành nhằm tăng thu cho ngân sách tỉnh, tránh thất thoát, lãng phí. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư, thuê nhà gắn với quyền sử dụng đất để phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Yêu cầu

Công tác tổ chức cho thuê nhà, đất phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát ngân sách. Thực hiện thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời các khoản nghĩa vụ tài chính của các tổ chức, cá nhân thuê nhà và các đơn vị sử dụng nhà, đất tạm thời; không để xảy ra tình trạng nợ đọng. Đồng thời, việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán các khoản thu, chi từ hoạt động khai thác tài sản phải tuân thủ theo quy định.

Các tổ chức, cá nhân thuê nhà thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 29 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ.

3. Đối tượng áp dụng

3.1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

3.2. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Điều 2 Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

3.3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính.

II. Nội dung

Diện tích nhà dự kiến cho thuê: 38 cơ sở nhà, đất (trong đó: 36 cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý, xử lý và 02 cơ sở nhà, đất do Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Yên Sơn quản lý, xử lý). Diện tích đất: 105.723,8 m²; diện tích sàn xây dựng nhà: 38.440,6 m²; diện tích sàn sử dụng nhà: 38.273,6 m², Diện tích cho thuê: 36.295,1 m², trong đó:

- Diện tích nhà cho thuê theo phương thức niêm yết giá (Đối với các tổ chức có tính chất đặc thù theo quy định của pháp luật về hội thuê làm trụ sở làm việc trong trường hợp chưa có trụ sở làm việc; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thuộc danh mục chi tiết các loại hình và đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính

phủ quyết định): 03 cơ sở nhà, đất. Diện tích đất: 1.580 m²; diện tích sàn xây dựng nhà: 2.715 m²; diện tích sàn sử dụng nhà: 2.715 m², Diện tích cho thuê: 2.715 m².

- Diện tích nhà cho thuê theo phương thức chào giá cạnh tranh: 35 cơ sở nhà, đất. Diện tích đất: 104.143,8 m²; diện tích sàn xây dựng nhà: 35.725,6 m²; diện tích sàn sử dụng nhà: 35.558,6 m², Diện tích cho thuê: 33.580,1 m².

1. Thời hạn cho thuê nhà

- Thời hạn cho thuê nhà 10 năm và được gia hạn không khống chế số lần nếu đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP.

- Thủ tục gia hạn thời hạn cho thuê khi Hợp đồng thuê nhà hết hạn trong trường hợp tổ chức, cá nhân đang thuê nhà có nhu cầu tiếp tục thuê được thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP;

2. Đơn giá và tiền cho thuê nhà

- Đơn giá cho thuê nhà được xác định theo công thức sau:

$$G_t = \frac{G_{hm} + (G_{td} * S_{đất})}{S_{nhà}} * (100\% * k)$$

Trong đó:

* G_t là đơn giá cho thuê nhà (đồng/m²/năm).

* G_{hm} là giá trị hao mòn hàng năm của nhà, công trình gắn liền với đất (đồng/năm) và được xác định như sau:

- Trường hợp thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại lớn hơn hoặc bằng thời hạn cho thuê nhà:

G_{hm} = Mức hao mòn hàng năm của nhà, công trình gắn liền với đất (đồng/năm).

- Trường hợp thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại nhỏ hơn thời gian thuê nhà mà giá trị còn lại trên sổ sách lớn hơn 10% nguyên giá:

$$G_{hm} = \frac{\text{Giá trị còn lại trên sổ kế toán của nhà, công trình gắn liền với đất (đồng)}}{\text{Thời hạn cho thuê nhà (năm)}}$$

- Trường hợp thời gian sử dụng để tính hao mòn còn lại nhỏ hơn thời gian thuê nhà mà giá trị còn lại trên sổ sách nhỏ hơn hoặc bằng 10% nguyên giá:

$$G_{hm} = \frac{\text{Giá trị còn lại trên sổ kế toán của nhà, công trình gắn liền với đất (đồng)} * 10\%}{\text{Thời hạn cho thuê nhà (năm)}}$$

Trường hợp nhà, công trình gắn liền với đất chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc xác định nguyên giá, mức hao mòn hằng năm, giá trị còn lại được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

* G_{td} là đơn giá thuê đất hằng năm của mục đích cho thuê theo quy định của pháp luật về đất đai (đồng/m²/năm).

* $S_{đất}$ là diện tích đất của cơ sở nhà, đất (m²) theo các hồ sơ pháp lý có liên quan hoặc theo diện tích đo vẽ thực tế của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.

* k là hệ số chi phí quản lý, khai thác nhà, đất và được xác định là 10%.

- Trong trường hợp Chính phủ quy định giảm tiền thuê đất cho một số đối tượng để thực hiện các biện pháp điều hành kinh tế - xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024, khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai thì tiền thuê nhà của năm hưởng ưu đãi (nếu người thuê nhà thuộc đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ) được xác định theo khoản 5 điều 5 Nghị định 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026.

- Đơn giá cho thuê nhà được ổn định 05 năm; sau thời hạn ổn định, đơn giá cho thuê nhà của chu kỳ ổn định tiếp theo được xác định theo quy định của pháp luật áp dụng tại thời điểm xác định đơn giá cho thuê nhà của chu kỳ ổn định tiếp theo đó.

(Có biểu danh mục các cơ sở nhà, đất chi tiết kèm theo)

3. Về trình tự thực hiện lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê nhà

3.1. Về thông báo:

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt đơn giá cho thuê nhà, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh sẽ thông báo bằng cách niêm yết danh mục nhà, đất cho thuê, giá niêm yết, giá sàn cho thuê tại trụ sở của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, tại các địa điểm có nhà, đất cho thuê, đồng thời đăng tải thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, thành phố, Cổng (Trang) thông tin điện tử của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

2. Thời hạn thông báo tối thiểu là 05 ngày và tối đa là 07 ngày liên tục, kể từ ngày bắt đầu thông báo.

3. Trong trường hợp hết thời hạn thông báo theo quy định tại mục 2 mà không có người nộp Phiếu đăng ký thuê nhà thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thông báo:

a) Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh sẽ xem xét, phê duyệt điều chỉnh **giảm 5%** đơn giá cho thuê nhà của lần thông báo trước liền kề.

b) Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh có trách nhiệm thực hiện thông báo lại để tiếp tục xác định người được quyền thuê nhà.

3.2. Xác định người được quyền thuê nhà theo phương thức niêm yết giá:

Việc cho thuê nhà theo phương thức niêm yết giá được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026.

3.3. Xác định người được quyền thuê nhà theo phương thức chào giá cạnh tranh.

Việc cho thuê nhà theo phương thức chào giá cạnh tranh được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026.

4. Hồ sơ đăng ký thuê nhà bao gồm:

Phiếu đăng ký thuê nhà hợp lệ là Phiếu đăng ký thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phát hành, được đóng dấu treo của Trung tâm và có đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Tiền đặt trước được xác định bằng 5% của tiền thuê nhà cho cả thời hạn cho thuê nhà trong đó tiền thuê nhà cho cả thời hạn cho thuê bằng diện tích nhà cho thuê (x) với đơn giá cho thuê nhà được quy định tại Điều 5 Nghị quyết 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026.

5. Cải tạo, sửa chữa nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất tại nhà, đất cho thuê bằng kinh phí của tổ chức, cá nhân thuê nhà.

5.1. Trong thời gian đang thuê nhà, tổ chức, cá nhân thuê nhà được chủ động cải tạo, sửa chữa theo nhu cầu bằng kinh phí của mình, đảm bảo không ảnh hưởng tới kết cấu cơ bản của công trình theo quy định pháp luật về xây dựng. Việc cải tạo, sửa chữa nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất tại nhà, đất cho thuê do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và tổ chức, cá nhân thuê thỏa thuận và được thể hiện trong Hợp đồng thuê nhà, Phụ lục Hợp đồng thuê nhà.

5.2. Các hạng mục cải tạo, sửa chữa do tổ chức, cá nhân thuê nhà thực hiện được chuyển giao lại không bồi hoàn cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, trừ trường hợp Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh có nhu cầu đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn; trong trường hợp này, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh có trách nhiệm hoàn trả chi phí cải tạo, sửa chữa cho tổ chức, cá nhân thuê nhà phân bổ cho thời gian chưa sử dụng. Số tiền hoàn trả được xác định theo công thức tại Khoản 2, Điều 11, Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ.

5.3. Kinh phí để thực hiện việc hoàn trả lại cho tổ chức, cá nhân thuê nhà

quy định tại khoản 2 được bố trí trong dự toán ngân sách của đơn vị nhận tài sản sau khi thu hồi hoặc bố trí trong tổng mức đầu tư thực hiện dự án (trong trường hợp thu hồi nhà, đất để thực hiện dự án).

6. Thời gian tổ chức xác định người thuê nhà: Tháng 7 năm 2026.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

- Tổ chức phê duyệt đơn giá cho thuê theo quy định; Tổ chức công khai thông tin về danh mục nhà, đất đưa ra khai thác, đơn giá cho thuê, điều kiện thuê, thời gian tiếp nhận đăng ký thuê theo quy định.

- Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuê nhà (**tại Trụ sở Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang, thôn Phú Thịnh, xã Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang**), lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê theo đúng phương thức, trình tự, thủ tục quy định; ký kết hợp đồng thuê và tổ chức quản lý, theo dõi việc thực hiện hợp đồng.

2. Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh: Đăng tải, thông tin kế hoạch cho thuê nhà và thông báo về việc cho thuê nhà trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh: Thông tin, tuyên truyền rộng rãi đến các thành viên, hội viên, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đăng ký thuê nhà, đất theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Đăng tải thông tin kế hoạch cho thuê nhà và thông báo về việc cho thuê nhà trên trang thông tin điện tử của xã, phường; tuyên truyền rộng rãi đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn có nhu cầu tham gia đăng ký thuê nhà, đất theo quy định

- Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh trong việc niêm yết danh mục nhà, đất cho thuê, giá niêm yết, giá sàn cho thuê tại các địa điểm có nhà, đất cho thuê (Gồm các xã: Yên Minh, Mèo Vạc, Đồng Văn, Vị Xuyên, Bắc Quang, phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2, phường Minh Xuân).

5. Đối với tổ chức, cá nhân đăng ký thuê nhà

- Chủ động nghiên cứu các quy định của pháp luật trong việc đăng ký tham gia thuê nhà, đất, nội dung thông báo cho thuê nhà, điều kiện, tiêu chuẩn, phương thức cho thuê và các quy định có liên quan trước khi tham gia đăng ký thuê.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đăng ký thuê nhà theo quy định; kê khai trung thực, chính xác các thông tin trong Phiếu đăng ký thuê nhà và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

- Nộp Phiếu đăng ký thuê nhà, tiền đặt trước và các khoản tài chính khác (nếu có) đúng thời hạn, đúng địa điểm theo thông báo; chấp hành đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn người được quyền thuê nhà do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tổ chức.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đăng ký thuê nhà theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ.

Trên đây là Kế hoạch triển khai phương án quản lý, khai thác nhà, đất năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Các phòng, Chi nhánh trực thuộc;
- Lưu: VT, Vnptioffice.

GIÁM ĐỐC



Ấu Quốc Công



BIỂU TỔNG HỢP

Danh mục các cơ sở nhà, đất cho thuê năm 2026 (đợt 1)

(Kèm theo kế hoạch số 24 /KH-TTPTQĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá niêm yết Gtd = (đồng/m ² /1 năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức niêm yết giá									
1	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang cũ Phường Hà Giang 1	QĐ01	481,5	548,0	548,0	58.675	548,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	16.077.000
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (Mảnh số 02) Phường Hà Giang 1	QĐ02	806,0	1.582,0	1.582,0	317.293	1.582,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	250.979.000
3	Nhà làm việc Trung tâm Xúc tiến du lịch Phường Hà Giang 2	QĐ03	292,5	585,0	585	131.310	585,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	38.408.000
II	Danh mục nhà, đất cho thuê theo phương thức chào hàng cạnh tranh									-
1	Trụ sở (cũ) Bảo hiểm xã hội huyện Yên Minh Xã Yên Minh	QĐ04	445,1	221,0	221,0	190.779	221,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	21.081.000
2	Trụ sở (cũ) Kho bạc Nhà nước huyện Yên Minh Xã Yên Minh	QĐ05	906,3	565,0	565,0	165.827	565,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	46.846.000
3	Thuế cơ sở 1 - số 6 đường Bình Thuận, Tổ 7 Phường Minh Xuân	QĐ06	1.915,0	2.704,0	2.704,0	502.587	2.704,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	679.497.000
4	Trụ sở Liên Minh Hợp tác xã Phường Hà Giang 1	QĐ07	428,3	665,0	665,0	622.242	665,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	206.896.000
5	Trụ sở tỉnh đoàn Hà Giang Phường Hà Giang 1	QĐ08	1.579,9	1.727,0	1.560,0	1.057.256	1.560,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	824.660.000
6	Trụ sở Sở Xây dựng tỉnh Hà Giang cũ Phường Hà Giang 1	QĐ09	1.907,0	2.295,0	2.295,0	277.721	2.295,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	318.685.000
7	Sở Dân tộc tôn giáo Phường Hà Giang 1	QĐ10	523,1	795,0	795,0	454.193	795,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	180.542.000
8	Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh Hà Giang (cũ) Phường Hà Giang 1	QĐ11	410,2	814,0	814,0	250.144	814,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	101.808.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m2)			Giá niêm yết Gtđ = (đồng/m2/1 năm)	Diện tích nhà cho thuê (m2)	Thời hạn cho thuê	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Trụ sở Sở Y tế tỉnh Hà Giang (cũ) Phường Hà Giang 1	QĐ12	733,4	994,0	994,0	447.252	994,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	222.284.000
10	Hội chữ thập đỏ tỉnh Hà Giang Phường Hà Giang 1	QĐ13	389,0	566,0	566,0	320.051	566,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	90.575.000
11	Đoàn nghệ thuật tỉnh Hà Giang cũ Phường Hà Giang 2	QĐ14	4.250,0	1.595,0	1.595,0	604.346	1.595,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	481.966.000
12	Trụ sở (cũ) Chi cục Thuế Vị Xuyên Xã Vị Xuyên	QĐ15	1.312,8	441,5	441,5	153.529	441,5	10 năm	Thương mại, dịch vụ	33.892.000
13	Trụ sở làm việc Hội Nông dân tỉnh Hà Giang Phường Hà Giang 1	QĐ16	669,9	706,0	706,0	690.381	706,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	243.704.000
14	Trụ sở Hội cựu chiến binh tỉnh Hà Giang Phường Hà Giang 1	QĐ17	146,6	470,5	470,5	475.119	470,5	10 năm	Thương mại, dịch vụ	111.777.000
15	Hội Đông y tỉnh Hà Giang Phường Hà Giang 1	QĐ18	298,0	298,0	298,0	606.816	298,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	90.416.000
16	Trụ sở làm việc cơ sở 3 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hà Giang Phường Hà Giang 1	QĐ19	950,0	1.422,0	1.422,0	134.342	1.422,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	95.517.000
17	Trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ cũ Phường Hà Giang 1	QĐ20	629,4	950,0	950,0	359.697	950,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	170.856.000
18	Trường Trung học Kinh tế - kỹ thuật Tuyên Quang (Khu A) TDP Trung môn 17 P Minh Xuân,	QĐ21	19.243,3	4.357,2	4.357,2	374.222	2.378,60	10 năm	Thương mại, dịch vụ	445.062.000
19	Trường Trung học Kinh tế - kỹ thuật Tuyên Quang (Khu B) TDP Trung môn 17, P Minh Xuân	QĐ22	4.532,7	752,6	752,6	308.578	752,60	10 năm	Thương mại, dịch vụ	116.118.000
20	Trụ sở (cũ) Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Quang Xã Bắc Quang	QĐ23	976,8	673,3	673,3	165.306	673,3	10 năm	Thương mại, dịch vụ	55.651.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá niêm yết Gtđ = (đồng/m ² /1 năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sân xây dựng nhà	Sân sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
21	Đội Quản lý thị trường số 12 Phường Hà Giang 2	QĐ24	151,0	210,0	210,0	772.813	210,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	81.145.000
22	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bắc Quang cũ Xã Bắc Quang	QĐ25	906,0	646,0	646,0	310.167	646,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	100.184.000
23	Trụ sở Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị huyện Mèo Vạc cũ Xã Mèo Vạc	QĐ26	1.750,0	627,0	627,0	322.237	627,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	101.021.000
24	Nhà làm việc của bộ phận 1 cửa xã Mèo Vạc Xã Mèo Vạc	QĐ27	557,0	501,0	501,0	136.259	501,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	34.133.000
25	Trụ sở UBND thị trấn Nông trường Việt Lâm cũ Xã Vị Xuyên	QĐ28	1.705,8	724,0	724,0	39.620	724,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	14.342.000
26	Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh cũ Xã Yên Minh	QĐ29	1.600,0	654,0	654,0	248.864	654,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	81.379.000
27	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Yên Minh Xã Yên Minh	QĐ30	1.400,0	943,0	943,0	552.661	943,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	260.580.000
28	Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Minh cũ Xã Yên Minh	QĐ31	1.383,0	648,0	648,0	300.538	648,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	97.374.000
29	Khu A Bệnh viện phục hồi chức năng (vị trí cũ) Xã Vị Xuyên	QĐ32	30.618,9	2.970,6	2.970,6	111.542	2.970,6	10 năm	Thương mại, dịch vụ	165.674.000
30	Khu C Bệnh viện phục hồi chức năng (vị trí cũ) Xã Việt Lâm	QĐ33	14.036,4	105,9	105,9	646.014	105,9	10 năm	Thương mại, dịch vụ	34.206.000
31	Cơ sở nhà đất từ Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh khu vực 4 (Cơ sở tại đường Nguyễn Thái Học tổ 22, phường Hà Giang 2	QĐ34	3.571,2	815,5	815,5	1.182.972	815,5	10 năm	Thương mại, dịch vụ	482.375.000

STT	Địa chỉ nhà, đất	Mã tài sản	Diện tích (m ²)			Giá niêm yết Gtd = (đồng/m ² /1 năm)	Diện tích nhà cho thuê (m ²)	Thời hạn cho thuê	Mục đích sử dụng	Tiền đặt trước (đồng)
			Đất	Sàn xây dựng nhà	Sàn sử dụng nhà					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
32	Trụ sở BQL địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn Phường Hà Giang 2	QĐ35	1.122,0	1.122,0	1.122,0	252.543	1.122,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	141.676.000
33	Nhà làm việc các phòng ban chuyên môn của UBND huyện Đồng Văn (cũ) Xã Đồng Văn	QĐ36	569,3	897,0	897,0	103.064	897,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	46.224.000
34	Trụ sở phường Quang Trung (cũ) Phường Hà Giang 2	QĐ37	1.789,0	577,5	577,5	421.798	577,5	10 năm	Thương mại, dịch vụ	121.794.000
35	Quỹ đầu tư và Phát triển tỉnh Hà Giang (cũ) Số 103, đường Trần Hưng Đạo, phường Hà Giang 1	QĐ38	737,4	1.272,0	1.272,0	472.212	1.272,0	10 năm	Thương mại, dịch vụ	300.327.000